TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Bà Lường Thị Tươi.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Danh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST- HNGĐ ngày 25/7/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị K**; Sinh ngày: 01/01/1991; Số căn cước công dân: 014191008575; Nơi cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn Q**; Sinh ngày: 05/10/1990; Số căn cước công dân: 014090014559; Nơi cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lường Văn Q** - Chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2025, bản tự khai tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La. Nguyên đơn chị Cà Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn Q có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ngày 10/10/2008. Tuy nhiên chị và anh Quàng Văn Q không được trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La làm thủ tục đăng ký kết hôn mà do ông Lò Văn T (bố nuôi anh Quàng Văn Q) đến nhờ cán bộ tư pháp xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thời điểm đó là ông Lường Văn Lđể lấy giấy đăng ký kết hôn. Chị và Quàng Văn Q không được ký vào giấy đăng ký kết hôn, trong giấy đăng ký cán bộ tư pháp xã M ghi nhầm tên anh Quàng Văn Q thành Lò Văn Q. Thời điểm đăng ký kết hôn ngày 10/10/2008 chị và anh Quàng Văn Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn do đó trong giấy đăng ký kết hôn mới ghi lùi năm sinh của chị Cà Thị K là sinh năm: 1990 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1991 (thực tế chị Cà Thị K sinh ngày 01/01/1991). Lùi năm sinh của anh Quàng Văn Q (trong giấy đăng ký kết hôn ghi họ và tên là Lò Văn Q do lúc đó anh Q đi làm con nuôi của ông Lò Văn P ở bản P, xã

M, tỉnh Sơn La) ghi anh Lò Văn Q sinh năm 1988 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1990 (thực tế anh Quàng Văn Q sinh ngày 05/10/1990). Nay chị Cà Thị K làm đơn khởi kiện yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Quàng Văn Q.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Quàng Văn Y, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Quàng Thị Linh N, sinh ngày 21/10/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị K là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai bổ sung và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Cà Thị K khai bổ sung như sau: Tại thời điểm kết hôn chị K và anh Q không có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay chị K và anh Q đã đủ tuổi đủ điều kiện kết hôn. Nay chị K không yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, chị K yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị K và anh Q kể từ thời điểm chị K và anh Q kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị K và anh Q là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị K nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn Q.

**** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Quàng Văn Q trình bày:***

- Về hôn nhân: Đúng như chị K khai. Anh và chị K có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ngày 10/10/2008. Tuy nhiên anh và chị K không được trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La làm thủ tục đăng ký kết hôn mà do ông Lò Văn T (là bố nuôi) đến nhờ cán bộ tư pháp xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thời điểm đó là ông Lường Văn Lđể lấy giấy đăng ký kết hôn. Anh và chị K không được ký vào giấy đăng ký kết hôn, trong giấy đăng ký cán bộ tư pháp xã M ghi nhầm tên anh Quàng Văn Q thành Lò Văn Q. Thời điểm đăng ký kết hôn ngày 10/10/2008 anh và chị K chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn do đó trong giấy đăng ký kết hôn mới ghi lùi năm sinh của chị Cà Thị K là sinh năm: 1990 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1991 (thực tế chị Cà Thị K sinh ngày 01/01/1991). Lùi năm sinh của anh Quàng Văn Q (trong giấy đăng ký kết hôn ghi họ và tên là Lò Văn Q do lúc đó anh Q đi làm con nuôi của ông Lò Văn Pở bản Pục Tứn, xã M, tỉnh Sơn La) ghi anh Lò Văn Q sinh năm 1988 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1990 (thực tế anh Quàng Văn Q sinh ngày 05/10/1990). Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị K nên chưa đồng ý ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như chị K khai. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì

theo nguyện vọng của hai cháu. Nếu 02 cháu ở với chị K thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Sau khi nhận được công văn số:10/CV-TA ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La. Tại công văn số 291/CV-UBND ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La có quan điểm như sau: Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La và không cử người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

Về việc bản tự khai đăng ký kết hôn bà Cà Thị K, sinh ngày: 01/01/1991 và ông Quàng Văn Q, sinh ngày: 05/10/1990 cư trú tại Bản N, xã M, tỉnh Sơn La không đúng theo sổ hộ tịch. Qua xác minh qua sổ hộ tịch sổ đăng ký kết hôn số 49 quyển 01 cấp ngày 10/10/2008. Ông Lò Văn Q, sinh năm:1988, cư trú bản Há, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Bà Cà Thị K, sinh năm 1990, cư trú bản Há, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đúng như sổ hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã M lưu giữ. Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La báo cáo để Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2025 và sao lục sổ đăng ký kết hôn quyển 01 năm 2008 + năm 2009 trang số 49 tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La: Chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q có đăng ký kết hôn ghi trong sổ đăng ký kết hôn quyển 01 năm 2008 + năm 2009 trang số 49. Các thông tin trong sổ là: Họ và tên chồng Lò Văn Q, sinh năm:1988, cư trú bản Há, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Họ tên vợ: Cà Thị K, sinh năm 1990, cư trú bản Há, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Đăng ký kết hôn ngày 10/10/2008, họ và tên chức vụ ký đóng dấu vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là ông Lường Văn Púa - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cán bộ tư pháp hộ tịch ký là ông Lường Văn L. Chị Cà Thị K và anh Cà Văn Q ký vào sổ đăng ký kết hôn. Chữ ký của chồng là "Q", chữ ký của vợ là "K".

* Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2025 tại công an xã M, tỉnh Sơn La xác minh thông tin:

Thông tin hộ tịch của anh Quàng Văn Q bao gồm những thông tin sau đây: Họ, chữ đệm và tên của ông: Quàng Văn Q; Ngày, tháng, năm sinh: 05/10/1990; Giới tính: Nam; Số định danh cá nhân: 014090014559; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quê quán: xã M, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký khai sinh: xã M, tỉnh Sơn La; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La.

Thông tin hộ tịch của chị Cà Thị K bao gồm những thông tin sau đây: Họ, chữ đệm và tên của bà: Cà Thị K; Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1991; Giới tính: Nữ; Số định danh cá nhân: 014191008575; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quê quán: xã M, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký khai sinh: xã M, tỉnh Sơn La; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị K, anh Q không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị K đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị K: Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quàng Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La: Anh Q và đại diện Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Cà Thị K được ly hôn với anh Quàng Văn Q.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Quàng Văn Y, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Quàng Thị Linh N, sinh ngày 21/10/2013 cho chị Cà Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Quàng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị K.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Cà Thị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- ***Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị K:*** Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- ***Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quàng Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La:*** Anh Q và đại diện Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều

238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật: Do quan hệ hôn nhân và gia đình giữa anh Quàng Văn Q và chị Cà Thị K được xác lập vào ngày 10/10/2008, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án này.

[2]. Về hôn nhân:

[2.1]. Xác định thời điểm kết hôn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thông qua đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản xác minh, các tài liệu, chứng cứ các đương sự đều trình bày: Anh Quàng Văn Q và chị Cà Thị K có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 49, quyển số 01 đăng ký ngày 10/10/2008 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La). Anh Quàng Văn Q và chị Cà Thị K đều khai nhận không trực tiếp đi đăng ký kết hôn, không được ký vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn mà do ông Lò Văn T (bố nuôi anh Quàng Văn Q) đến nhờ cán bộ tư pháp xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thời điểm đó là ông Lường Văn Lể lấy giấy đăng ký kết hôn. Lời khai của chị K, anh Q phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyển số 01 ngày 10/10/2008 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã cấp và các tài liệu, chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q kết hôn vào ngày 10/10/2008.

[2.2]. Xác định ngày tháng năm sinh, họ tên chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q:

Thời điểm đăng ký kết hôn ngày 10/10/2008 chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn do đó trong giấy đăng ký kết hôn mới ghi lùi năm sinh của chị Cà Thị K là sinh năm: 1990 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1991 (thực tế chị Cà Thị K sinh ngày 01/01/1991, ngày đăng ký kết hôn 10/10/2008 chị Cà Thị K mới 17 năm 09 tháng 09 ngày). Lùi năm sinh của anh Quàng Văn Q (trong giấy đăng ký kết hôn ghi họ và tên là Lò Văn Q) ghi anh Lò Văn Q sinh năm 1988 và mở ngoặc ra ghi sinh năm: 1990 (thực tế anh Quàng Văn Q sinh ngày 05/10/1990, ngày đăng ký kết hôn ngày 10/10/2008 anh Quàng Văn Q mới 18 năm 05 ngày).

Chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Cà Thị K là ngày 01/01/1991 và ngày tháng năm sinh đúng của anh Quàng Văn Q là ngày 05/10/1990. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do anh Q, chị K đều chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi. Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân như căn cước công dân, xác nhận thông tin nơi cư trú của chị K, anh Q, đồng thời căn cứ biên bản xác minh thông tin do UBND xã M, tỉnh Sơn La cung cấp, biên bản xác minh thông tin của Công an xã M, tỉnh Sơn La có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Cà Thị K là ngày 01/01/1991 và ngày tháng năm sinh đúng của anh Quàng Văn Q là ngày 05/10/1990. Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm anh chị đăng ký kết hôn anh Quàng Văn Q và chị Cà Thị K đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn như vậy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn

La (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La) là trái quy định của pháp luật, vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.3]. Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân để giải quyết ly hôn của chị Cà Thị K: Quá trình giải quyết vụ án chị K không yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, chị K yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị K và anh Q kể từ thời điểm chị K và anh Q kết hôn có đủ điều kiện kết hôn căn cứ Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q kể từ thời điểm anh Quàng Văn Q đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 06/10/2009.

[2.4]. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Cà Thị K: Chị Cà Thị K và anh Quàng Văn Q kết hôn ngày 10/10/2008 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La) đã vi phạm điều kiện kết hôn khi đều chưa đủ tuổi kết hôn. Tại thời điểm giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cả chị K và Q đã có đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Q là hợp pháp kể từ ngày 06/10/2009. Quá trình chung sống kể từ ngày 06/10/2009 chị K và anh Q kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện đã ly thân từ năm 2023 từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q và chị K giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q không nhất trí ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 11, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị K ly hôn với anh Q.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Quàng Văn Y, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Quàng Thị Linh N, sinh ngày 21/10/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị K là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến anh Q nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì theo nguyện vọng của 02 cháu. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị K có điều kiện để trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày Chị K có đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quàng Văn Y và cháu Quàng Thị Linh N, nguyện vọng của các cháu đều muốn ở cùng chị K. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Quàng Văn Q 02 cháu ở với ai thì theo nguyện vọng của 02 cháu. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Quàng Văn Y và cháu Quàng Thị Linh N cho chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu có những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Chị K không yêu cầu anh Qúy cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Cà Thị K là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị K.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị K được ly hôn với anh Quàng Văn Q.

2. Về con chung: Xử giao cháu Quàng Văn Y, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Quàng Thị Linh N, sinh ngày 21/10/2013 cho chị Cà Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị K.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị K, anh Quàng Văn Q, Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La(02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải